

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 – 6 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Bà Châu S M**; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 128, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà Châu Sà M vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* **Ông Đình S**; Sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 119 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông Đình S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Châu S M trình bày:

Bà với ông Đình S tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và cũng trong năm 2008 ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 17 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống ở nhà cha mẹ ruột bà S M tại số 128 ấp T,

xã T, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đinh S ăn nhậu bê tha, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, bỏ mặc bà S M một mình nuôi nấng 03 con nhỏ. Mỗi lần ông Đinh S uống rượu thì kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập bà S M. Bà S M đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ chồng để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông Đinh S vẫn không thay đổi. Tháng 4 năm 2016, ông Đinh S bỏ về nhà cha mẹ ruột ở số 119 ấp T xã T, huyện T, tỉnh S sinh sống. Hai người cũng ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà S M với ông Đinh S có ba con chung là Đinh Thanh S, sinh ngày 04/9/2009, Đinh Thị Ngọc G, sinh ngày 28/5/2011 và Đinh Thị Mỹ L, sinh ngày 27/3/2014. Cả ba cháu đang sống với bà S M.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Châu S M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Đinh S.
- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng ba người con và không yêu cầu ông Đinh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh S không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 315/TB-TLVA ngày 14 tháng 12 năm 2020, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Đinh S nhưng ông Đinh S không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu S M. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Đinh S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đinh S đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Châu S M ly hôn với ông Đinh S. Về con chung: Giao ba người con chung cho bà Châu S M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông Đinh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Châu S M và ông Đinh S đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà S M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông Đinh S mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà S M và ông Đinh S.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Châu S M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Đinh S, yêu cầu được nuôi dưỡng ba người con và không yêu cầu ông Đinh S cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Châu S M với ông Đinh S là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đinh S ăn nhậu bê tha, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, bỏ mặc bà S M một mình nuôi nấng ba con nhỏ. Mỗi lần ông Đinh S uống rượu thì kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập bà S M. Bà S M đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ chồng để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông Đinh S vẫn không thay đổi. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Châu S M yêu cầu được ly hôn với ông Đinh S là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Đinh Thanh S, Đinh Thị Ngọc G và Đinh Thị Mỹ L trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ ly hôn. Bà Châu S M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi ba người con. Xét thấy, từ khi bà S M và ông Đinh S không còn chung sống với nhau thì ba cháu Đinh Thanh S, Đinh Thị Ngọc G và Đinh Thị Mỹ L do bà S M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S M có đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà S M không yêu cầu nên ông Đinh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà S M trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà S M trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà S M yêu cầu nên bà S M phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu S M.
- Về hôn nhân: Bà Châu S M được quyền ly hôn với ông Đình S.
- Về con chung: Giao cháu Đình Thanh S, sinh ngày 04/9/2009, Đình Thị Ngọc G, sinh ngày 28/5/2011 và Đình Thị Mỹ L, sinh ngày 27/3/2014 cho bà Châu S M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Đình S không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đình S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Đình S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Châu S M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đình S. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu S M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017 0005822 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Châu S M đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân